

LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỞ BỐN

QUYỂN 22

1. Giải thích tên phẩm:

Hiền: Là hiền hòa, Thánh: Là Thánh chánh. Phẩm này nói rộng, nên gọi là phân biệt. Trong phẩm này đại văn có ba. 1. Nói chung thể tánh của đạo; 2. Nói đế mà đạo chứng; 3. Y theo đạo nói về người.

- Nói thể tánh của đạo: Luận chép: đã nói dứt phiền não v.v... như thế. Ở chín giai vị cao siêu được gọi là Biến tri. Nhưng dứt chắc chắn nhờ đạo, lực nên được. Ở đây do tướng của đạo thế nào?

Tụng rằng:

*Đã nói dứt phiền não
Do thấy đế tu đạo
Thấy đạo chỉ vô lậu
Tu đạo chung hai thứ.*

Giải thích: Trước đã nói căn kẽ về dứt bỏ các phiền não do đạo kiến đế và đạo tùy miên. Ở trong thấy đạo chỉ là vô lậu, còn đạo tùy miên thông cả hai thứ, đó là hữu lậu và vô lậu. Địa vị của mười lăm tâm thấy đạo có thể mau chóng đối trị ba cõi. Trong bốn đế, một sát na dứt ngay chín phẩm thấy đế thì dứt, đạo hữu lậu chẳng có khả năng này, nên chỉ có vô lậu.

2. Nói về đế sở chứng của đạo:

Từ phần thứ hai này, nói về đế sở chứng của đạo. Trong đây chia làm hai: 1. Nói bốn đế; 2. Nói hai đế. Trong phần nói bốn đế chia làm hai:

- Nói về bốn đế.
- Hiển bày riêng khổ đế.

1) Nói bốn đế: Luận chép: Như trước đã nói, là do thấy đế, vậy chỗ thấy đế này, tướng nó thế nào?

Tụng rằng:

*Tên bốn đế đã nói Là
khổ, tập, diệt, đạo*

*Tự thể kia cũng vậy**Thứ lớp theo hiện quán.*

Giải thích: Tên bốn đế đã nói: đó là phẩm giới, đầu tiên nói rằng: vô lậu là đạo đế, ở đây nói là Đạo đế. Trạch diệt là lìa buộc, đây nói là diệt đế. Cho đến khổ tậo thế gian, đây nói khổ đế, tập đế. Thứ lớp trình bày: khổ, tập, diệt, đạo

Hỏi: Nay phẩm này nói về bốn đế và thể mà phẩm giới kia nói có gì khác?

Đáp: Tụng chép: tự thể kia cũng vậy. Nghĩa là hiển bày thể đồng với phẩm giới kia, nên nói tiếng cũng vậy

Hỏi: Tại sao thứ lớp của bốn đế như vậy?

Đáp: Tụng chép: thứ lớp theo hiện quán. Hiện quán là thấy đạo. Nghĩa là điều được quán trước tiên ở giai vị hiện quán, thì nói trước tiên.

Hỏi: Vì sao hiện quán có thứ lớp tất nhiên?

Đáp: nghĩa là giai vị gia hạnh như Noãn v.v... thì quán như vậy.

Hỏi: Thế nào là địa vị gia hạnh quán như vậy?

Đáp: nghĩa là nếu có pháp là chỗ ái trước, có thể làm bức não, la nhân của khổ não, quán đầu tiên là khổ, kế là quán khổ lấy gì làm nhân liền quán tập đế. Kế nữa lại quán khổ lấy gì làm diệt, liền quán diệt đế. Lại quán khổ diệt lấy gì làm đạo, liền quán đạo đế. Như thấy bệnh rồi, đến tìm nguyên nhân của bệnh, tiếp tục nghĩ đến bệnh lành, sau đó tìm thuốc tốt. Kinh chép: hễ làm thầy thuốc thì là phải có đủ bốn đức mới nhỏ được mũi tên độc: 1. Kheo biết bệnh trạng; 2. Khéo biết nguyên nhân gây bệnh; 3. Kheo biết lành bệnh; 4. Khéo biết thuốc hay. Đức Như lai cũng vậy, là bậc đại y vương, biết rõ như thật khổ, tập, diệt, đạo. Gia đoạn gia hạnh thứ lớp quán như vậy, thứ lớp trong hiện quán cũng vậy. Như đã thấy dấu chân trên đất của ngựa chạy. Nói hiện quán: nên biết ở đây nói nghĩa hiện đẳng giác. Nghĩa là hiện ra giác quán đế cảnh.

Hỏi: Vì sao trong kinh nói là Thánh đế?

Đáp: Vì bậc Thánh thấy bốn đế không điên đảo, gọi là Thánh đế. Nên có bài tụng chép:

Bậc Thánh nói là vui (diệt đế Niết-bàn).

Phi Thánh nói là khổ (ngoại đạo nói là Niết-bàn là khổ).

Bậc Thánh nói là khổ (hữu lậu là khổ).

Phi Thánh nói là vui (ngoại đạo nói hữu lậu là vui).

3. Nói riêng về khổ đế:

Từ phần thứ hai này, nói riêng về khổ đế. Luận chép: chỉ một phần của thọ (khổ thọ trong năm thọ) là tự thể của khổ, những thứ khác đều không phải, làm sao có thể nói các hành hữu lậu đều là khổ đế.

Tụng rằng:

*Khổ do ba khổ hợp
Như ứng hợp tất cả
Vừa ý, không vừa ý
Còn hành pháp hữu lậu.*

Giải thích: Khổ do ba khổ hợp: là nêu. Khổ đế do ba khổ hợp lại gọi là khổ đế: 1. Tính khổ khổ: nghĩa là khổ thọ, lúc sinh khổ, lúc trụ khổ gọi là khổ khổ; 2. Tánh hoại khổ: nghĩa là lạc thọ. Lúc sinh vui, lúc trụ vui, lúc hoại khổ gọi là hoại khổ; 3. Tánh hành khổ. Nghĩa là không khổ không lạc thọ, do hành thành khổ, vì các duyên tạo tác, vì tánh vô thường gọi là hành khổ. Như ứng hợp tất cả: tất cả hữu lậu như sự thích ứng của nó hợp với ba khổ đều gọi là khổ đế. 1. Pháp hữu lậu vừa ý hợp với khổ hoại gọi là khổ; 2. Pháp hữu lậu không vừa ý hợp với hoại khổ gọi là khổ; 3. Pháp hữu lậu còn lại hợp với hành khổ gọi là khổ. Nghĩa là trừ vừa ý, gọi là hoại khổ, nói không vừa ý gọi là khổ khổ. Vả lại theo nói riêng, thì thất ra vừa ý và không vừa ý đều gọi là hành khổ. Vả lại theo luận riêng lẽ thật vì vừa ý và không vừa ý đều gọi là hành khổ, vì tánh là vô thường. Cho nên tất cả hành, hành khổ cho nên khổ. Hành khổ nhỏ nhiệm, chỉ có bậc Thánh mới quán thấy, cho nên Sư Kinh bộ, là Cưu-ma-la-đại có bài tụng rằng:

4. Các bài tụng làm sáng tỏ về khổ:

*Như bỏ sợi lông mi
Lên tay người không biết
Nếu để vào tròng mắt
Sẽ tổn hại và bất an
Kẻ ngu như tay người
Không biết mi hành khổ
Người trí như tròng mắt
Duyên nhỏ cũng sinh chán (duyên là hành khổ).*

Vì vậy người ngu đối với ngục Vô gian sinh tâm khổ sợ hãi, không như các bậc Thánh đối với hữu đánh uẩn, cho hữu đánh uẩn là hành khổ.

Hỏi: Nếu đối với các pháp cũng cho có vui, vì sao chỉ nói khổ là Thánh đế?

Đáp: Trong bài tụng Tát-bà-đa có loại giải thích, do vui ít. Như để

đậu xanh vào đồng đậu đen vì ít theo nhiều, gọi là đồng đậu đen. Người nào có trí rười cớn vào ung nhọt, có một chút vui sinh ra chấp ung nhọt là vui, Tổ sư Kinh bộ dùng bài tụng giải thích rằng: Vì năng làm nhân khổ.

*Vì nhóm hợp các khổ
Vì khổ nên mong vui
Nói vui cũng gọi khổ.*

Nghĩa đúng của bà-sa giải thích rằng: Thật ra nên nói, các hữu và lạc, thể đều là khổ, vì ngay hành khổ đồng một vị, địa ở đây nói khổ này là để chẳng phải vui. Lại theo tông kinh bộ và Đại chúng bộ v.v... xác định không có vui thật sự, vì thọ chỉ là khổ, kẻ ngu điên đảo cho là vui, cho nên Đức Phật dạy: ông nên dùng khổ quán lạc thọ. Tông Tát-Bà-Đa nói: vui là thật có. Đức Phật nói, dùng khổ quán lạc thọ, ý muốn nói lên lạc thọ có hai tánh: 1. Có tính lạc (vui) nương vào môn tự tướng thì tự tánh là vui; 2. Có tính khổ: đó là dựa vào môn dị tướng, vì cũng là pháp vô thường biến hoại, cho nên Đức Phật nói dùng khổ quán lạc thọ. Dựa vào hành khổ và hoại khổ nói là chẳng phải khổ khổ, vì vậy có bài tụng rằng:

*Chư Phật Chánh biến giác
Biết các hành vô thường (hành khổ)
Và hữu vi biến hoại (hoại khổ)
Nên nói thọ đều khổ.*

Đối với hai thuyết nói ở trước, luận chủ bình luận rằng: các sư đối Pháp nói thật có vui. Lời này hợp lý, lại tông Tát-bà-đa nói nhóm hợp vật nhân quả của một vật chia làm hai, tức thể của khổ đế là bên cạnh nghĩa nhân cũng gọi là tập đế. Nếu theo tông kinh bộ, chỉ nói tham ái là thể của Tập đế. Vì kinh chỉ nói tham ái là Tập. Tát-bà-đa nói: “Kinh y theo sự mạnh mẽ mà nói ái là Tập”. Thật ra thì tất cả đều là Tập đế. Cho nên Bạc-già-phạm (Đức Phật) trong già đà (kệ) nói: nghiệp ái và vô minh là nhân, chiêu cảm các hành sau, khiến các hữu nối tiếp, gọi là bổ-đặc-già-la. Bài tụng này nói nghiệp và vô minh là nhân chiêu cảm quả báo. Vì vậy biết được chẳng phải chỉ có ái là Tập đế.

5. Nói về hai đế:

Từ phần thứ hai này nói về hai đế. Luận chép: Đế có hai thứ: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế. Hai đế này tương nó thế nào? Tụng rằng:

*Giác kia phá liền vô
Tuệ phân tích cũng vậy*

*Như bình, nước thế tục
Khác đây gọi thắng nghĩa.*

Giải thích: Giác kia phá liền vô: Nếu vật kia giác, vật phá hoại liền thành không gọi là thế tục đế. Như bình bị bể, bình giác là không, như áo bị rách, áo giác ra cũng không. Vì vậy bình, y v.v... gọi là thế tục đế. Tuệ phân tích cái khác, cho nên giác kia là không cũng là thế tục. Như nước lúc được tuệ phân tích sắc, hương, vị, xúc, nước giác là không. Như phân tích lửa cũng vậy, lửa giác là không. Vì vậy nước lửa này là thế tục đế. Như bình nước là thế tục: Thế tục như bình: bình thuộc câu thứ nhất, thế tục như: nước thuộc câu thứ hai, nhưng bình nước này lúc chưa được phân tích, giả đặt tên này, gọi là thế tục. Theo lý thế tục, nói có bình v.v... là thật chẳng phải đối, gọi là thế tục đế. Khác đây gọi là Thắng nghĩa: khác bình nước này cũng gọi là thắng nghĩa đế. Như màu xanh v.v... nghiền đến cực vi (rất nhỏ). Sắc giác thì thường còn và tuệ phân tích vị v.v... cho đến cực vị, vị giác là thường còn. Và tuệ phân tích bốn uẩn như thọ v.v... cho đến một sát na, uẩn kia giác là thường còn, cho nên sắc kia v.v... gọi là Thắng nghĩa đế. Có chân thật này nên gọi là thắng nghĩa. Theo lý thắng nghĩa nói có sắc v.v... là thật chẳng phải đối, gọi là Thắng nghĩa đế. Theo kinh bộ nói, như trí vô lậu và hậu đắc này chánh trí thế gian, chấp lấy các pháp gọi là Thắng nghĩa đế. Ngoại trừ điều này rồi, trí chấp vào pháp còn lại gọi là Thế tục đế.

6. Y theo Thánh đạo nói về người:

Từ phần thứ ba của đại văn này, y theo Thánh đạo nói về người. Trong đó chia làm ba: 1. Nói về gia hạnh của Thánh đạo; 2. Theo ba đạo nói về người; 3. Nói về sự khác nhau giữa các đạo. Trong phần nói về gia hạnh lại chia làm hai: Nêu chung và nói rộng.

a. Nêu chung gia hạnh:

Dưới đây là phần một, nêu chung gia hạnh: Luận chép: Đã nói về các đế, nên nói phương tiện siêng tu thế nào? Hưởng về đạo kiến đế. Tụng rằng:

*Muốn đến đạo thấy đế
Phải giữ giới siêng tu,
Do văn-tự tu thành
Gọi là cảnh câu nghĩa*

Giải thích: Muốn hưởng về đạo kiến đế, thì trước phải giữ giới, sau mới siêng tu văn, tuệ, tư tuệ, tu tuệ. Nhờ văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ thành tựu. Tuệ gọi là sở thành, dựa vào văn tuệ được thành tựu, khởi tư (suy nghĩ) tuệ được thành tựu. Dựa vào tư tuệ được thành tựu, khởi tu tuệ

được thành tựu.

Hỏi: Ba tuệ có gì khác nhau?

Đáp: Nhờ văn tuệ được thành tựu, chỉ duyên với danh cảnh; vì chưa thể bỏ văn mà quán nghĩa. Nhờ tư tuệ được thành tựu, duyên với danh và nghĩa, chưa hoàn toàn bỏ văn mà quán nghĩa. Tụng nói “câu”: Là danh nghĩa, tuệ do tu thành, chỉ duyên với nghĩa cảnh, đã có thể bỏ văn mà quán nghĩa.

b. Nói rộng về gia hạnh:

Từ phần thứ hai này, nói rộng về gia hạnh, trong đó chia làm bốn:

1. Nói thân khí thanh tịnh; 2. Nói năm giai đoạn dừng tâm; 3. Nói về bốn niệm trụ; 4. Nói về bốn gốc lành.

- Nói thân khí thanh tịnh, luận chép nếu có những người, Muốn tu học tinh chuyên làm thế nào để thanh tịnh thân khí, giúp cho tu hành mau thành tựu.

Tụng rằng:

*Có thân, tâm xa lìa
Biết đủ, ít ham muốn
Là đã đắc, chưa đắc
Cầu nhiều gọi “sở vô”
Trị trái nhau, ba cõi
Tánh vô lậu, vô tham
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Ba trước (ba Thánh chủng trước) chỉ vui đủ
Ba sinh có nghiệp sau
Vì trị bốn ái sinh
Ham muốn ngã, ngã sở
Tạm dứt và dứt hẳn.*

Giải thích: Thân khí thanh tịnh lược do ba nhân; 1. Thân tâm đều xa lìa; 2. Vui đủ ít muốn; 3. Trụ vào bốn Thánh chủng. Có thân tâm xa lìa; Thân xa lìa: là lìa tướng tạp trụ. Tâm xa lìa: là lìa bất thiện tâm, ít ham muốn là nhân thứ hai. Vô bất túc: là vui đủ. Vô đại dục là ít muốn, hai nhân trước có thể dễ thành tựu, do vui đủ ít muốn.

Hỏi: Không không biết đủ và không ham muốn nhiều, hai thứ không này khác nhau thế nào?

Đáp: Bài tụng nói đã đắc, chưa đắc, cầu nhiều gọi là sở vô. Nghĩa là được y v.v... lại mong cầu nhiều gọi là bất hỷ túc. Đây là không có hỷ túc (vui đủ). Nếu chưa được y v.v... lại mong cầu nhiều, gọi là nhiều ham muốn. Đây là không ít ham muốn, trái với không vui đủ nhiều ham

muốn này. Ba cõi: Vui đủ ít muốn. Nếu hữu lậu thì có cả ba cõi, nếu vô lậu thì có cả chín địa, hai thứ sở tri chỉ có ở Cõi Dục. Tánh vô lậu, vô tham: vui đủ ít muốn cũng có cả vô lậu, vô tham làm thể. Hai thứ sở tri lấy tham làm tánh. Bốn Thánh chủng cũng vậy: Giải thích: nhân thứ ba, có công năng sinh chúng Thánh, nên gọi là Thánh chủng. Thể của bốn Thánh chủng cũng là vô tham, đồng với hỷ v.v... ở trước, nên nói cũng vậy. Ba Thánh chủng trước, chỉ có vui đủ: 1. Thánh chủng vui đủ y phục; 2. Thánh chủng đủ vui ăn uống; 3. Thánh chủng vui đủ đồ nằm; 4. Thánh chủng thích dứt thích tu. Nghĩa là thích dứt phiền não, thích tu Thánh đạo.

Hỏi: Thánh chủng thứ tư đã không phải vui đủ, vì sao cũng dùng vô tham làm thể?

Đáp: vì có khả năng xả bỏ dục tham, hữu tham, Thánh chủng thứ tư, cũng có tánh vô tham. Hỏi: Đâu cần lập bốn Thánh chủng này làm gì? Đáp: Bài tụng chép: ba đời có hậu nghiệp, ba thành chủng trước giúp đạo sinh cụ, Thánh chủng cuối cùng giúp sự nghiệp đạo. Vì các đệ tử bỏ cuộc sống thế tục và sự nghiệp thế tục, Thế tôn thương xót, lập cuộc sống, sự nghiệp giúp Thánh đạo này, làm cho người tu hành không lâu được giải thoát.

Hỏi: Vì sao an lập hai việc này?

Đáp: Tụng chép: vì đối trị bốn ái sinh ra: 1. Thích y phục; 2. Thích ăn uống; 3. Thích đồ nằm; 4. Có vô, có ái. Vì đối trị bốn ái nên lập bốn Thánh chủng. Việc ham muốn ngã, ngã sở, liền dứt bỏ hẳn: Ở đây lại giải thích khác. Muốn (tham muốn) việc ngã sở, ba việc như y phục. v.v... trên đây khởi tâm tham, gọi là muốn việc ngã sở. Muốn việc ngã: Nghĩa là thân, trên thân khởi tham, gọi là muốn việc ngã. Vì ý Phật muốn làm cho các đệ tử tạm thời đừng ham muốn việc ngã sở, nên lập ba Thánh chủng trước. Vì dứt bỏ hẳn việc ham muốn của ngã, ngã sở nên lập Thánh chủng thứ tư.

7. Nói về địa vị của năm pháp quán dừng tâm bảy phương

tiện:

Từ phần thứ hai này, nói về địa vị của năm pháp quán dừng tâm. Bảy phương tiện, trong đó có hai phần: 1. Nêu chung. 2. Giải thích riêng.

- Nêu chung: Luận chép: Đã nói như vậy về khí sở y của tu, do cửa nào mà chính nhập vào tu?

Tụng chép:

Nhập tu phải hai môn

*Quán bất tịnh, dứt niệm
Tham tâm tăng thượng thêm
Nên tu như thứ lớp.*

Giải thích: Muốn nhập môn tu phải có hai: 1. Quán bất tịnh dứt được tham dục; 2. Giữ hơi thở dứt được loạn động.

- Giải thích riêng:

Từ phần thứ hai này giải thích riêng, trong đây chia làm hai: 1. Giải thích quán bất tịnh. 2. Giải thích giữ hơi thở. Trong quán bất tịnh lại chia làm hai: a. Nói về hành tướng; b. Nói rộng các môn.

- Nói về hành tướng: Luận chép: Trong đây trước nên nói về quán bất tịnh, tướng của pháp quán ấy thế nào?

Tụng rằng:

*Vì trị cả bốn tham
Nên nói quán bộ xương
Rộng đến biển lại lược
Gọi vị sơ tập nghiệp
Trừ chân đến nửa đầu
Là tu đã thuần thực
Buộc tâm giữa hai mày
Là vị vượt tác ý.*

Giải thích: Tu quán bất tịnh là để đối trị tham, tham có bốn thứ: Tham hiển sắc, tham hình sắc, tham xúc chạm êm dịu, tham cung phụng. Duyên với màu xanh bầm v.v... tu quán bất tịnh đối trị tham hiển sắc, duyên với trùng ăn v.v... Đối trị tham hình sắc, duyên với dòi v.v... Đối trị tham xúc chạm êm dịu, duyên với thầy chết bất động, đối trị tham cung phụng, nếu duyên với bộ xương, tu quán bất tịnh, đối trị cả bốn tham vì trong bộ xương không có cảnh bốn tham. Nay sẽ nói về tu quán bộ xương, ở đây chỉ tương ứng với tác ý thắng giải, nói thắng giải là quán giả tướng, nghĩa là đối với sắc khởi tướng thắng giải bất tịnh. Quán bất tịnh này thiếu phần duyên, không dứt được phiền não. Dứt hoặc: thì phải duyên khắp, nhưng có thể điều phục tham, không để nó hiện hành. Nhưng các sư Du-già tu quán bộ xương, gồm có ba giai đoạn: 1. Giai vị mới tập nghiệp; 2. Giai đoạn đã thành thực; 3. Giai đoạn vượt tác ý. Tu quán bất tịnh, trước phải buộc tâm vào các phần của thân mình hoặc ngón chân, hoặc trán, hoặc chỗ khác. Tùy theo chỗ ưa thích mà an trụ tâm mình. Tâm được trụ rồi, dựa vào năng lực thắng giải, tư duy giả tướng đại chủng thịt xương rơi rớt, dần dần khiến xương thành trắng, cho đến quán bộ xương toàn thân, thấy hoàn toàn rồi, lại quán cái

thứ hai, dần dần khắp một phòng, đến một chùa, cho đến khắp mặt đất. Lấy biển làm bờ mé, bộ xương đây khắp, để làm cho thắng giải được thêm lớn, dần dần lược quán cho đến chỉ quán một khúc xương trắng, ở đây đều dần dần lược đi. Quán bất tịnh thành gọi là giai vị đầu tiên của hành. Vì khiến cho năng lực thắng giải lược quán thêm lớn, đối với một pháp, trước trừ xương chân, tư duy xương khác dần dần thứ lớp cho đến trừ xương nữa đầu, tư duy xương nữa đầu, ở đây đều chuyển lược, gọi là địa vị đã thành thực. Vì khiến cho thắng giải lược quán tự tại. Trừ xương nữa đầu, buộc tâm giữa hai đầu chân mày, chuyên chú vào một duyên, an trụ vắng lặng, ngang đây là cực sự lược, gọi là địa vị vượt tác ý. Luận chép: Có quán bất tịnh, có sở duyên ít không phải tự tại ít, nên làm bốn câu. Tác ý đã thành thực, sở duyên tự thân gọi là câu thứ nhất, vì tác ý đã thành thực, chẳng phải tự tại ít, sở duyên một thân nên gọi sở duyên ít. Tác ý chưa thành thực, sở duyên đến biển gọi là câu thứ hai, tác ý chưa thành thực là tự tại ít, sở duyên đến biển nên chẳng phải sở duyên ít. Tác ý đã thành thực, sở duyên đến biển là câu thứ ba, tự tại, sở duyên đều chẳng phải ít. Tác ý chưa thành thực, sở duyên tự thân gọi là câu thứ tư; tự tại sở duyên đều ít.

b. Nói rộng về các môn:

Từ phần thứ hai này, nói rộng về, các môn. Luận chép: Quán bất tịnh này tánh nó là gì (câu hỏi một) Dựa vào địa nào? (câu hỏi hai) Cảnh nào? (câu hỏi ba) chỗ nào mà sinh? Câu hỏi bốn Hành tướng nào? câu hỏi năm Duyên với đời nào? (câu hỏi sáu) là hữu lậu hay vô lậu? (câu hỏi bảy) là đắc do xa lìa nhiễm ô hay đắc nhờ gia hạnh (câu hỏi tám).

Tụng rằng:

*Tánh vô tham, mười địa
Duyên người Dục, Sắc sanh.
Cũng tịnh, tự thế duyên
Hữu lậu, có hai đắc.*

Giải thích: tánh vô tham là trả lời câu hỏi thứ nhất, nghĩa là quán bất tịnh, lấy vô tham làm thể. Mười địa là trả lời câu hỏi thứ hai. Dựa vào cả mười địa, nghĩa là bốn thiền định căn bản và bốn cận phần giữa cõi Dục. Nói bốn cận phần: là bốn thiền mỗi thiền đều có cận phần. Duyên với cõi Dục là trả lời câu hỏi thứ ba. Chỉ duyên với hiển sắc, hình sắc của cõi Dục. Con người là trả lời câu hỏi thứ tư. Chỉ sinh ở cõi người, trừ Châu-câu-lô ở phía Bắc. Vì ở cõi trời không có bầm xanh v.v... nên không có quán này. Bất tịnh là trả lời câu hỏi thứ năm. vì quán

bất tịnh lấy bất tịnh làm hành tướng. Tự thế duyên là trả lời câu hỏi thứ sáu. Nếu ở quá khứ duyên với đời quá khứ, nếu ở hiện tại duyên với đời hiện tại, nếu ở vị lai duyên với đời vị lai, gọi là duyên tự thế. Nếu pháp không sinh thì duyên cả ba đời. Hữu lậu là trả lời câu hỏi thứ bảy. Đã là quán giả tướng nên chỉ có hữu lậu, có cả hai thứ đặc là trả lời câu hỏi thứ tám. Có cả đặc lia nhiễm ô và đặc nhờ gia hạnh. Nếu có tu đặc thì có đặc lia ô nhiễm, nếu chưa từng đặc thì có đặc gia hạnh.

8. Giải thích riêng về giữ gìn hơi thở:

Từ phần thứ sáu này, giải thích riêng về giữ gìn hơi thở. Trong đây có hai phần: a. Nói về niệm khác nhau; b. Nói về hơi thở khác nhau.

9. Nói về giữ gìn hơi thở:

- Nói về hơi thở khác nhau: Luận chép: Nói tướng khác nhau của quán bất tịnh rồi, kế sẽ nói về giữ gìn hơi thở, tướng khác nhau này thế nào?

Tụng rằng:

*Ngũ địa Dứt niệm tuệ,
Duyên gió, dựa thân Dục
Hai đặc, thật, ngoại không
Có sáu là số thầy.*

Giải thích: Ở đây có tám môn, tuệ dứt niệm là môn xuất thế thứ nhất. Tức niệm này lấy tuệ làm thể. Hơi thở là gió, niệm giữ gìn hơi thở nên gọi là dứt niệm, thể của nó tuy là tuệ nhưng gọi là niệm vì nhờ sức mạnh của niệm giữ gìn, tuệ đối với cảnh được rõ ràng, kinh nói: Niệm A-na, A-ba-na.

A-na: Hán dịch: Là khiến lai, nghĩa là giữ hơi thở vào, là dẫn gió bên ngoài vào trong thân, A-ba-na: Trung hoa dịch: Khiến khứ. Nghĩa là giữ hơi thở đưa ra, là nghĩa đưa hơi thở bên trong ra khỏi thân. Ngũ địa là môn Y địa thứ hai. Nghĩa là dựa vào cận phần của Sơ thiền và cận phần của Nhị thiền, Thiền thứ ba và giữa cõi Dục. Niệm này chỉ tương ứng với xả thọ. Ở cận phần giữa cõi Dục chẳng phải địa khác. Nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, có thể thuận đưa đến tầm. Niệm này giữ gìn tầm nên chỉ có xả thọ. Duyên gió là môn cảnh giới thứ ba. Ở đây xác định duyên gió dựa vào thân ở cõi Dục. Môn Y thân thứ tư, chỉ dựa vào thân trời, người của cõi Dục, trừ châu câu lô ở phía Bắc. Hai đặc là môn Biện Đặc thứ năm, có cả đặc nhờ nhiễm ô và đặc nhờ gia hạnh. Thật là môn Tác Ý thứ sáu, đây tương ứng với tác ý chân thật không phải giả tướng. Ngoại Vô là môn gián tà thứ bảy. Phương pháp tu hành của Phật giáo ngoại đạo không có. Vì các ngoại đạo không có người dạy bảo, tự mình

không thể hiểu được pháp nhỏ nhiệm. Số v.v... là môn Biện Tướng thứ tám. Tướng khác nhau này do có sáu nhân: số, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh.

Số: là buộc tâm duyên theo hơi thở ra vào, từ một đến mười, ở đây có ba lỗi: 1. Lỗi số giảm, đối với hai hơi thở cho là một; 2. Lỗi sơ tăng: đối với một hơi thở cho là hai; 3. Lỗi tạp loạn: đối với vào cho là ra, đối với ra cho là vào. Là ba lỗi này gọi là số đúng. Ở giữa lẫn lộn lại phải từ một thứ lớp đếm đến số đó. Rồi từ cuối cùng đếm trở lại đầu, cho đến đặc định.

Tùy: là buộc tâm, duyên hơi thở ra vào, không thực hành gia hạnh, tùy theo hơi thở mà thực hành. Chỉ là buộc tâm, chỉ dừng ở chót mũi, hoặc ở tay chân, tùy theo chỗ nào thích mà đặt tâm mình.

Quán: Nghĩa là quan sát hơi thở này, rồi quán hơi thở cùng với sắc do đại chủng tạo ra, cho đến dựa vào sắc mà trụ. Tâm, tâm sở đều quán năm uẩn cho là cảnh giới. Chuyển: Nghĩa là dời chuyển. Chuyển gió hơi thở cho đến giai đoạn pháp Thế đệ nhất. Tịnh: là thắng tiến, nhập vào giai vị thấy đạo v.v... cho đến tận trí v.v... vì gồm cả sáu tướng, nên nói bài tụng rằng:

*Quán hơi thở nên biết
Có sáu tướng khác nhau
Là số, tùy, chỉ, quán
Chuyển, tịnh, tướng khác nhau.*

10. Nói về hơi thở khác nhau:

Từ phần thứ hai này nói về hơi thở khác nhau, luận chép: tướng hơi thở khác nhau thế nào làm sao biết. Tụng rằng:

*Thở vào, ra theo thân
Dựa hai xoay khác nhau
Tĩnh số, chẳng chấp thọ
Đẳng lưu, chẳng duyên dưới.*

Giải thích: Ở đây có sáu môn. Hơi thở ra vào theo thân: là môn dựa vào thân thứ nhất. Nghĩa là hơi thở tùy theo thân, vì hơi thở thuộc một phần của thân. Dựa vào hai xoay khác nhau: là môn dựa vào hơi thở thứ hai. Thân - tâm gọi là hai, hơi thở dựa vào sự chuyển biến của thân-tâm, phải có đủ bốn duyên hơi thở mới chuyển được. 1. Địa là sở y của hơi thở. Nghĩa là Sơ thiên, Nhị thiên, Thiên thứ ba của Cõi Dục, gọi là hữu tức địa. 2. Phong đạo thông, nghĩa là miệng mũi. 3. Lỗ chân lông hở. 4. Giai đoạn hơi thở vào ra, tâm thô hiện ra. Ba duyên trước gọi là thân khác nhau, một duyên sau gọi là tâm khác nhau. Sinh lên cõi

Vô Sắc thì bốn duyên đều thiếu. Nếu ở bốn giai đoạn Yết-thích-lam, Át- bộ- đàm, Bế- thi, và Kiện-nam chỉ có tâm thô và tức địa thiếu hai duyên kia. Cho đến ở giai vị Sơ thiền, Nhị thiền, Thiền thứ ba của cõi Dục, nhập vào hai định vô tâm, chỉ có ba duyên thiếu một duyên tâm thô. Nếu ở cõi Dục v.v... nhập vào định thứ tư chỉ có hai duyên, thiếu thô tâm và lỗ chân lông hở, vì định thứ tư rất thuần hậu, dẫn đến đại chủng kia cũng khấp trong thân, lỗ chân lông không hở. Nếu thân sinh định thứ tư, có phong đạo thông, đó là miệng mũi và có cả tâm thô, đó là khởi oai nghi của địa dưới, là tâm thông quả. Thiếu hai duyên còn lại. Các địa vị trên, hễ thiếu bất cứ một duyên nào thì hơi thở đều không chuyển. Luận chép: Nghĩa là phải ở trong thân (chỗ nương của hơi thở) có các lỗ hở (lỗ là đường thông gió, hở là lỗ chân lông) là nơi để hơi thở ra vào. Tâm thô hiện ra, là duyên thứ tư hơi thở ở lúc này mới chuyển được. Ra khỏi định thứ tư v.v... và lúc mới sinh thì hơi thở vào trước tiên. (Nghĩa là hơi thở trước đó không có). Nhập vào định thứ tư v.v... và lúc chết hơi thở ra sau cùng. (Hơi thở mới dứt) Tình số: Là môn Y tình thứ ba, hơi thở thuộc về các hữu tình vì nó là một phần của thân. Phi chấp thọ: là môn phi chấp thọ thứ tư. Hơi thở phi chấp thọ vì không hợp với căn. Đăng lưu: là môn Ngũ Loại thứ năm, hơi thở là tánh đăng lưu vì đồng loại nhân sinh. Chưởng duyên: là môn quán hơi thở thứ sáu. hơi thở chỉ là sở duyên của tâm địa trên, chẳng phải tâm địa dưới duyên với hơi thở địa dưới. Như thân sinh ở cõi Dục, khởi tâm ở cõi Dục. Tâm tự địa khởi tâm sơ thiền, nhị thiền, thiền thứ ba của địa trên duyên với hơi thở của cõi Dục. Tâm địa trên, nếu hơi thở sơ thiền chỉ có ba địa duyên, hơi thở Nhị thiền chung với duyên Nhị Địa. Hơi thở Thiền thứ ba chỉ có tự địa duyên. Vì nếu sinh xuống địa dưới thì không có hơi thở địa trên. Lại nữa sinh ở địa trên, khởi tâm ở địa dưới, chẳng phải là duyên tức-tâm, vì vậy tâm địa dưới không duyên với hơi thở địa trên. Như sinh lên Sơ thiền, khởi tâm cõi Dục thì chỉ là thông quả. Nhưng thông quả này chỉ duyên với các việc biến hóa của cõi Dục. Nếu sinh vào Nhị thiền trở lên v.v... khởi tâm Sơ thiền v.v... thì chung với thông quả của oai nghi. Oai nghi chỉ duyên thân nghiệp ở Sơ thiền, thông quả chỉ duyên biến hóa ở Sơ thiền, cho nên khởi tâm địa dưới mà không thể duyên với hơi thở ở địa trên.

